

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2017/LĐ - ST
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v Đòi tiền lương và tranh chấp bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hôi thâm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Lý

Ông Nguyễn Xuân Thảo

-Thư ký phiên toà:Bà Dương Thị Lan Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2016/TLST - LD ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc: “Đòi tiền lương và tranh chấp bảo hiểm” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2017/QĐXXST- LD ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thành N, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường A, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bí đơn*: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B

Trụ sở: Đường M, Phường Q, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền ông Đinh Văn H, sinh năm 1986 - Đại diện (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường P, Phường X, quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số: 25/2016/GUQ - BV ngày 15/12/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/8/2016, Biên bản hòa giải ngày 04/5/2017 nguyên đơn ông Bùi Thành N trình bày: Thông qua tuyển dụng trên mạng của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B (Sau đây gọi tắt là Công ty) ông được Công ty phỏng vấn vào ngày 25/01/2016.

Ngày 28/01/2016 Công ty ra Quyết định số: 20/2016/QĐ - BV về việc: “Tiếp nhận thử việc”, và ông làm việc tại Chi Nhánh Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian thử việc 02 tháng, kể từ ngày 28/01/2016, vị trí Phó Giám đốc kinh doanh, phụ trách mảng dệt may xuất khẩu, mức lương chính là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)/tháng, không có phụ cấp nào khác.

Sau thời gian thử việc 02 tháng, ngày 01/4/2016 Công ty ra Quyết định số: 62/2016/QĐ - BV về việc: “Tiếp nhận chính thức” đối với ông, vị trí là Phó Giám đốc kinh doanh, phụ trách mảng dệt may xuất khẩu, mức lương chính là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, không có phụ cấp nào khác.

Trong thời gian làm việc, Công ty chỉ trả lương cho ông tháng 01/2016 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), còn thiếu lại 38.462 đồng (Ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng), tháng 02 trả đủ lương và tháng 03 trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn thiếu lại 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Từ tháng 4, 5 và tháng 6/2016 Công ty không trả lương cho ông.

Ngày 30/6/2016 ông làm đơn xin nghỉ việc, cùng ngày 30/6/2016 Công ty ra Quyết định chấp nhận thôi việc số: 120/2016/QĐ - BV đối với ông.

Khi nghỉ việc ông yêu cầu Công ty trả tiền lương còn thiếu, Công ty hứa trả nhưng không thực hiện nên ông đã gửi đơn đến Phòng Lao động thương binh xã hội quận Tân Bình. Ngày 29/7/2016 tại Phòng Lao động thương binh xã hội quận Tân Bình, phía Công ty hứa thanh toán đủ lương cho ông là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) vào ngày 19/8/2016 và đóng bảo hiểm xã hội cho ông là 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, đến ngày 19/8/2016 Công ty không thực hiện đúng cam kết.

Nay ông khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B yêu cầu:

- Công ty trả tiền lương còn thiếu tháng 01/2016 là 38.462 đồng (Ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng), lương tháng 03/2016 là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền lương chưa trả của tháng 4, 5 và tháng 6/2016, mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng cộng: 37.038.462 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

- Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 4/2016 cho đến tháng 6/2016.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2017 và Biên bản hòa giải ngày 04/5/2017 Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B (có ông Đinh Văn H đại diện theo ủy quyền), xác nhận Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B có Quyết định Tiếp nhận thử việc và Quyết định Tiếp nhận chính thức ông N vào làm việc tại Công ty với mức lương, và tạm ứng lương như ông N trình bày.

Nay, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B thừa nhận chưa trả lương cho ông N tháng 3, 4,5 và tháng 6/2016, tổng cộng là 37.038.462 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng) và chưa đóng bảo hiểm cho ông N từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016. Tuy nhiên, Công ty không đồng ý trả số tiền lương và đóng bảo hiểm cho ông N, vì ông Đinh Tiến S là người đại diện theo pháp luật của Công ty không ký tên vào các Quyết định Tiếp nhận thử việc, Quyết định Tiếp nhận chính thức và Quyết định chấp nhận thôi việc đối với ông N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông N vẫn giữ yêu cầu Công ty trả tiền lương còn thiếu tháng 01/2016 là 38.462 đồng (Ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng), tiền lương tháng 03/2016 là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và tiền lương tháng 4, 5 và tháng 6/2016, mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng cộng: 37.038.462 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng), trả trong thời gian 01 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

-Yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế cho ông từ tháng 4/2016 cho đến tháng 6/2016.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B (có ông H đại diện theo ủy quyền) vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như các đương sự thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông N yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương tháng 3,4,5 và tháng 6/2016 là 37.038.462 đồng và yêu cầu Công ty đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016.

Căn cứ Điều 90 Bộ luật lao động thì Công ty phải trả lương cho ông N thực hiện công việc theo thỏa thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động và căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội quy định Người sử dụng lao động và Người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Vì vậy, Công ty và ông N phải có trách nhiệm đóng các loại bảo hiểm trên.

Vì các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Nguyên đơn ông Bùi Thành N khởi kiện Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B, có trụ sở: Đường M, Phường Q, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu trả tiền lương và đóng bảo hiểm. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B (có ông Đinh Văn H là người đại diện theo ủy quyền), đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cụ thể: Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần 1: Vào lúc 08 giờ 00 ngày 08/9/2017; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ 2: Vào lúc 14 giờ 00 ngày 27/9/2017. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lương còn thiếu.

Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự đều thừa nhận, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B có phỏng vấn ông Bùi Thành N, ngày 28/01/2016 Công ty có Quyết định số: 20/2016/QĐ - BV về việc: “Tiếp nhận ông N vào thử việc” và ngày 01/4/2016 Công ty ra Quyết định số: 62/2016/QĐ - BV về việc: “Tiếp nhận chính thức” ông N vào làm việc tại Công ty. Phía ông N cho rằng Công ty chỉ giao cho ông các Quyết định nêu trên là bản photocopy, còn bản chính do Công ty giữ. Phía Công ty cũng thừa nhận hiện Công ty đang giữ bản chính các Quyết định trên nhưng không cung cấp cho Tòa án. Ngày 07/6/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 15/2017/QĐ - CCTLCC về việc Yêu cầu Công ty cung cấp bản sao các Quyết định nêu trên nhưng Công ty vẫn không cung cấp cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ sự thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông N có làm việc tại Công ty từ ngày 28/01/2016 (vào làm thử việc), thời gian thử việc là 02 tháng, kể từ ngày 28/01/2016, làm việc chính thức tại Công ty với vị trí Phó Giám đốc kinh doanh, phụ trách mảng dệt may xuất khẩu, mức lương chính là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)/tháng, không có phụ cấp nào khác. Khi hết thời gian

thử việc 02 (Hai) tháng, ngày 01/4/2016 Công ty Thông báo tiếp nhận ông N làm việc chính thức, kể từ ngày 01/4/2016, vị trí là Phó Giám đốc kinh doanh, phụ trách mảng dệt may xuất khẩu, mức lương chính là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, không có phụ cấp nào khác.

Tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật lao động 2012 quy định: “Khi việc làm thử việc đạt yêu cầu thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động”.

Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số:05/2015/NĐ - CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung của Bộ luật lao động, cụ thể: “Trong thời hạn 03 ngày trước khi kết thúc thời gian thử việc đối với người lao động làm việc có thời gian thử việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Bộ luật lao động, người sử dụng lao động phải thông báo cho người lao động kết quả công việc người lao động đã làm thử; trường hợp công việc làm thử việc đạt yêu cầu thì khi kết thúc thời gian thử việc, người sử dụng lao động phải giao kết ngay hợp đồng lao động với người lao động”.

Từ phân tích trên, đối chiếu với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định sau khi hết thời gian thử việc (từ ngày 28/01/2016 đến ngày 28/03/2016), mặc dù, giữa Công ty và ông N không ký hợp đồng lao động nhưng ông N vẫn tiếp tục làm việc cho Công ty thì hợp đồng lao động đương nhiên được xác lập.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B (có ông Đinh Văn H đại diện theo ủy quyền) xác nhận còn thiếu tiền lương như ông N trình bày nhưng không đồng ý trả vì cho rằng chữ ký trên các Quyết định số: 20/2016/QĐ - BV ngày 28/01/2016, về việc: “Tiếp nhận thử việc”, Quyết định số: 62/2016/QĐ - BV ngày 01/4/2016 về việc: “Tiếp nhận chính thức” và Quyết định chấp nhận thôi việc số:120/2016/QĐ - BV ngày 30/6/2016 không phải là chữ ký của ông Đinh Tiến S là người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng không làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, không xuất trình chứng cứ chứng minh lời khai nhận của mình. Ông N không thừa nhận lời khai của đại diện bị đơn nên lời khai của đại diện bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, yêu cầu khởi kiện buộc Công ty trả cho ông N tiền lương còn thiếu tổng cộng 37.038.462 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu bị đơn đóng bảo hiểm.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, các đương sự thống nhất khai nhận Công ty chưa đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông N liên tục từ tháng 4/2016 cho đến hết tháng 6/2016, với mức lương chính là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Căn cứ Điều 19, 21 và Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Điều 13 Luật Y tế sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người sử dụng lao động và người lao động cùng có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm các loại. Vì vậy, Công ty phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông N từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016, với mức lương 10.000.000 đồng/tháng, và ông N cũng phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm nêu trên theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Công ty phải đóng các loại bảo hiểm cho ông N như sau:

-Bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ 18%, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 18\% = 5.400.000 \text{ đồng}$;

-Bảo hiểm y tế từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ 3%, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 3\% = 900.000 \text{ đồng}$;

-Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ là 1%, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 1\% = 300.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: 6.600.000 đồng.

Ông N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp:

-Bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ 8%, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 8\% = 2.400.000 \text{ đồng}$;

-Bảo hiểm y tế từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ 1,5%, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 1,5\% = 450.000 \text{ đồng}$;

-Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 4/2016 đến tháng 6/2016 là 03 tháng với tỷ lệ 1%/tháng, thành tiền: $(10.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ tháng}) \times 1\% = 300.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là: 3.150.000 đồng.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Thành N được miễn toàn bộ án phí, bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 3 Điều 36 và Điều 90 của Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 19, 21 và Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Điều 13 Luật bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ - CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Thành N.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B phải thanh toán tiền lương còn thiếu cho ông Bùi Thành N là 37.038.462 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng) trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Bùi Thành N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B chưa trả số tiền nêu trên thì Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Buộc Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B và ông Bùi Thành N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông N từ tháng 4/2016 cho đến tháng 6/2016, cụ thể:

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Bùi Thành N tại Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình với số tiền, tổng cộng là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ông Bùi Thành N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội quận Tân Bình với số tiền, tổng cộng là 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Ông Bùi Thành N được miễn toàn bộ án phí.

Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B phải nộp án phí là 1.309.153 đồng (Một triệu ba trăm lẻ chín ngàn một trăm năm mươi ba đồng).

Ông Bùi Thành N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu